TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DSST
Ngày 15 tháng 5 N 2020
"V/v tranh chấp rãnh thoát nước"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và ông Phạm Xuân Thọ

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao, Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố V

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 7 N 2019 về việc "*Tranh chấp rãnh thoát nước*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 N 2020, giữa các đương sự:

1. ***NguY đơn***:

1.1. Anh Phùng Văn H, sinh N 1977; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

1.2. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1959; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. Ủy ban nhân dân phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn H1; chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Quang Đ; chức vụ: Công chức địa chính (vắng mặt theo đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Phùng Thị H2, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.3. Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thủy: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh

Phúc (có mặt).

3.4. Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tr: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguuyên đơn trình bày:

Anh Phùng Văn H trình bày:

Thửa đất gia đình anh đang ở có nguồn gốc của bố mẹ. năm 2011 anh xây dựng gia đình nên mẹ anh đã chuyển nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng anh. Từ trước đến nay có rãnh thoát nước chảy từ phía đất trên đổi xuống mương cánh đồng, giáp phía đất nhà anh với nhà ông N, bà H2. Rãnh thoát nước có chiều rộng khoảng 01m và dài khoảng 30m. Tất cả các hộ xung quanh đều sử dụng chung rãnh thoát nước này và không ai có ý kiến thắc mắc gì về rãnh thoát nước chung trên. Đầu năm 2019 ông N, bà H2 xây dựng nhà kiên cố, đã đổ bê tông và xây dựng bịt kín rãnh thoát nước chung không cho gia đình anh thoát nước ra rãnh thoát nước làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của gia đình anh.

Chị Ngô Thị T cùng trình bày:

Năm 2009 vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng diện tích đất 161,5m^2 tại Tổ dân phố Y, phường HH, thành phố V và đã làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ khi làm thủ tục đã ký giáp danh với các hộ liền kề nhưng không ký với hộ ông N do cách nhau rãnh thoát nước chung. Năm 2011 vợ chồng chị chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất trên cho bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Minh T2 và bà Nguyễn Thị T3 trong GCNQSDĐ thể hiện phía sau thửa đất có 01 rãnh thoát nước rộng 1m. Ngày 30/6/2015, bố mẹ chồng chị chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho vợ chồng chị. Trong bản đồ đo đất năm 2003 thể hiện phía sau nhà chị vẫn tồn tại 01 rãnh thoát nước. Từ năm 2009 đến năm 2018 gia đình chị vẫn sử dụng rãnh thoát nước trên bình thường, không có tranh chấp với ai. Chính quyền địa phương kiểm tra hiện trạng sử dụng đất gia đình chị đang thiếu diện tích đất so với GCNQSDĐ được cấp.

Theo đơn khởi kiện anh H, chị T yêu cầu ông N trả lại diện tích rãnh thoát nước chung có diện tích 7,5m^2. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T và anh H đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích rãnh thoát nước giáp đất ông N và đất ông Th có diện tích 3,1m^2 và nay yêu cầu ông N, bà H2 trả lại diện tích rãnh thoát nước có diện tích 4,4m^2 và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất rãnh thoát nước chung trên.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích Th và Người đại diện theo ủy quyền của chị Th là anh Phùng Văn H trình bày:

Quan điểm chị Th thống nhất như quan điểm trình bày của anh đã trình bày. Chị Th yêu cầu ông N trả lại diện tích rãnh thoát nước có diện tích 4,4m^2 và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất rãnh thoát nước chung trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh Tr và Người đại diện theo ủy quyền của anh Tr là chị Ngô Thị T trình bày:

Quan điểm anh Tr thống nhất như quan điểm trình bày của chị đã trình bày. Anh Tr yêu cầu ông N trả lại diện tích rãnh thoát nước có diện tích 4,4m^2 và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất rãnh thoát nước chung trên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2019 bà Phùng Thị H2 (vợ ông N) trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn N. Bà đã nhận được các giấy tờ của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh H và chị T về việc tranh chấp rãnh thoát nước giữa gia đình bà và gia đình anh H, gia đình chị T. Tòa án đã triệu tập vợ chồng bà lên làm việc nhưng bà lý do công việc không đến Tòa làm việc, hơn nữa bà xét thấy gia đình bà vẫn sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai nên bà không lên Tòa án. Bà đã thông báo cho ông N về việc yêu cầu khởi kiện, nội dung Tòa án làm việc và thông báo về việc Tòa án triệu tập nhưng ông N đi làm ăn xa nên không về làm việc được và bà cũng không biết địa chỉ cụ thể nơi ông N làm việc và thỉnh thoảng ông N mới về nH. Về nguồn gốc đất và các vấn đề liên quan đến tranh chấp rãnh thoát nước bà không nắm được. Bà xác định chỉ ông N nắm được và ông N sẽ trình bày sau.

Tại Bản tự khai ngày 24/12/2019 của Người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân phường HH là ông Phùng Quang Đ trình bày:

Theo hồ sơ, sổ sách lưu giữ tại Chính quyền địa phương thể hiện: Diện tích đất hộ ông N, bà H2 là thửa 27 có diện tích 252m^2, diện tích đất hộ vợ chồng ông H là thửa 170 có diện tích 304,6m^2, diện tích đất hộ bà T là thửa đất số 181 có diện tích 161,5m^2. Quá trình xác định danh giới, mốc giới N 2003 thể hiện diện tích đất của ông N thực tế (tại thửa mới là 247,4m^2) và có thể hiện rãnh thoát nước chung giữa đất đất ông N và đất chị T và đất anh H.

Trên thực tế sử dụng đất từ trước đến nay phía giáp đất hộ ông N và đất giáp hộ bà T, đất giáp hộ anh H có rãnh thoát nước chạy giáp đất các hộ trên. Các hộ dân đều sử dụng chung rãnh thoát nước này. Năm 2019 ông N xây dựng nhà có lấp rãnh thoát nước và bịt lối thoát nước từ nhà chị T, anh H ra rãnh thoát nước chung. Diện tích cụ thể của rãnh thoát nước là bao nhiêu chính quyền địa phương không

nắm rõ. Nay Ủy ban nhân dân phường HH đề nghị Tòa án căn cứ hiện trạng thực tế giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 163, Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 175, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả lại diện tích rãnh thoát nước chung 3,1m2; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị H2 trả lại rãnh thoát nước chung có diện tích 4,4m^2 có cạnh AB dài 0,46m giáp rãnh thoát nước; cạnh BC dài 5,29m giáp đất anh H, chị Thủy; cạnh CD dài 5,01m giáp đất chị T, anh Tr; cạnh DE dài 0,32m giáp rãnh thoát nước chung; cạnh EF dài 5,02m và cạnh FA dài 5,40m giáp đất ông N, bà H2 theo sơ đồ đo đạc. Ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, công trình trả lại hiện trạng rãnh thoát nước trên diện tích 4,4m^2 rãnh thoát nước chung. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại rãnh thoát nước chung nên xác đinh đây là vụ án "Tranh chấp rãnh thoát chung". Bị đơn và diện tích đất rãnh thoát nước tranh chấp có địa chỉ tại thôn phường HH, thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND Phường HH có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông N, bà H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh H đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích rãnh thoát nước có diện tích 3,1m^2 giáp đất ông N và đất ông Th nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của chị T, anh H.

[3] Theo bản đồ 299 tại số tờ bản đồ 43 và Sổ sơ họa NH nước đo đạc năm 1992 đều thể hiện: Diện tích đất hộ ông N là thửa đất số 27, tờ bản đồ 42 có diện tích 252m^2 (trong đó có 200m đất ở và 52m đất vườn) đã được cấp GCNQSDĐ; diện tích đất đứng tên anh Tr, chị T là thửa đất số 181, tờ bản đồ số 8, có diện tích

161,5m^2 (trong đó có 70m đất ở và 91,5m đất trông cây lâu N) và diện tích đất anh H, chị Th là thửa đất số 170, tờ bản đồ 8, có diện tích 304,6m^2.

Theo Bản đồ đo đạc năm 2003 (tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất) thể hiện giữa thửa đất hộ ông N và thửa đất hộ anh H, chị Th, thửa đất hộ anh Tr, chị T có một rãnh thoát nước chung chảy qua các hộ, các hộ đã ký giáp ranh thống nhất hiện trạng sử dụng đất.

Thực tế quá trình sử dụng đất của các hộ dân giáp rãnh thoát nước thể hiện có rãnh thoát nước chung giữa đất hộ anh H và hộ chị T và hộ ông N. Ngoài ra, chính quyền địa phương và người sinh sống khu vực này cũng thừa nhận từ trước đến nay có rãnh thoát nước chung trên và các hộ liền kề rãnh thoát nước chung vẫn sử dụng chung rãnh thoát nước này.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện phía giáp danh giữa hộ anh H, chị T và ông N còn diện tích đất giáp giữa 02 nhà, phía dưới vẫn còn rãnh thoát nước các hộ liền kề sử dụng chung. Diện tích đất hộ ông N sử dụng có tăng diện tích đất được NH nước cấp còn diện tích đất hộ chị T, anh Tr giảm so diện tích đất được cấp. Ông N đã xây dựng nhà lấn chiếm vào 01 phần diện tích rãnh thoát nước chung và đổ bê tông, lấp rãnh thoát nước và bịt đường thoát nước của hộ anh H, chị T.

Đối với việc hộ ông N có diện tích đất vượt quá so với diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, còn hộ anh Tr, chị T thiếu so với diện tích đất trong GCNQSDĐ được cấp. Qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và so sánh các chiều, cạnh tại Bản đồ 299, Sổ sơ họa lưu giữ tại chính quyền địa phương thì các chiều, cạnh của diện tích đất hộ ông N tăng 8,39m lên 9,03m và hộ anh H (chị Th), chị T (anh Tr) giảm từ 32,3m xuống 31,89m) so với GCNQSDĐ được cấp. Nên phía nguyên đơn là chị T, anh Tr trình bày cũng trích thêm một phần diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm rãnh thoát nước chung cộng với phần rãnh thoát nước có từ trước. Ông N cũng không làm bất kỳ thủ tục gì để kê khai diện tích rãnh thoát nước chung vào quyền sử dụng đất của mình và Chính quyền địa phương cũng không có quyết định thu hồi, quyết định giao hay thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất rãnh thoát nước chung này đối với ông N.

Như vậy, cần xác định có rãnh thoát nước chung giáp đất anh H, chị T và ông N là có cơ sở. Việc ông N được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra quan điểm. Bà H2 vợ ông N xác định bà không biết nguồn gốc thửa đất và các vấn đề liên quan đến rãnh thoát nước, gia đình bà vẫn sử dụng đất bình thường là không có căn cứ.

Tuy nhiên anh H, chị T yêu cầu ông N trả lại phần diện tích rãnh thoát nước chung từ giáp nhà ông N đã xây đến giáp nhà chị T, anh H. Chính quyền địa phương không xác định được diện tích chính xác rãnh thoát nước và đề nghị căn cứ hiện trạng thực tế để xem xét nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, anh H là phù hợp. Diện tích rãnh thoát chung qua điều tra xác minh, đo đạc hiện trạng còn lại thể hiện có diện tích 4,4m^2. Vì vậy, căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông N xác định rãnh thoát nước chung trên có diện tích 4,4m^2.

[3] Đối với khoản tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ anh H, chị T có đơn đề nghị tự nguyện chịu toàn bộ và không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông N, bà H2 phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 163, Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 175, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả lại diện tích rãnh thoát nước chung 3,1m^2. Anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T có quyền khởi kiện lại theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị H2 trả lại rãnh thoát nước chung có diện tích 4,4m^2 có cạnh AB dài 0,46m giáp rãnh thoát nước; cạnh BC dài 5,29m giáp đất anh H, chị Th; cạnh CD dài 5,01m giáp đất chị T, anh Tr; cạnh DE dài 0,32m giáp rãnh thoát nước chung; cạnh EF dài 5,02m và cạnh FA dài 5,40m giáp đất ông N, bà H2 (có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, công trình trả lại hiện trạng rãnh thoát nước trên diện tích 4,4m^2 rãnh thoát nước chung.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] *Về án phí*: Anh Phùng Văn H và chị Ngô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Phùng Văn H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0004571 ngày 25/7/2019 tại Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố V. Trả lại chị Ngô Thị T số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0004570 ngày 25/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông Nguyễn Văn N và bà Phùng Thị H2 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc yêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Mầu Văn Mùi